

TỤC THỜ TỔ NGHỀ CỦA LÀNG NGHỀ DỆT LỤA Ở KÊ LA (HÀ ĐÔNG) QUA THƯ TỊCH CỔ

Đỗ Thị Bích Tuyền
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tóm tắt: Tục thờ Tổ nghề tại vùng Kê La (Hà Đông) là một biểu hiện tiêu biểu của tín ngưỡng dân gian Việt Nam, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với những người đã khai sinh và truyền bá nghề dệt lụa cho cộng đồng địa phương. Theo các tư liệu bi ký Hán Nôm và một số thư tịch cổ, các vị Tổ nghề được cho là có nguồn gốc từ phương Bắc, mang theo nghề dệt lụa, từ đó góp phần quan trọng trong việc hình thành và phát triển thương hiệu lụa Hà Đông dưới thời phong kiến. Bài viết dựa trên các nguồn tư liệu cổ, có giá trị lịch sử giới thiệu về phong tục làng nghề và tục thờ Tổ nghề dệt tại Kê La từ xưa, qua đó làm rõ vai trò của tín ngưỡng này trong việc bảo tồn truyền thống làng nghề và nuôi dưỡng giá trị văn hóa tinh thần trong đời sống cộng đồng.

Từ khoá: Kê La – Hà Đông, Nghề dệt lụa, Bi ký Hán Nôm, Thư tịch Hán Nôm, Tổ nghề, Tục thờ Tổ nghề

Nhận bài ngày 27.04.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.06.2025

Liên hệ tác giả: Đỗ Thị Bích Tuyền; email: bichtuyenhn@yahoo.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng Hà Đông xưa, một địa bàn thuộc châu thổ sông Nhuệ, nổi bật với truyền thống nghề dệt lụa hình thành từ các làng nông nghiệp. Các làng như Vạn Phúc (xưa là Vạn Bảo), La Cả (bao gồm La Nội và Ý La), La Khê, La Du, La Dương, La Phù, La Tinh đều là những trung tâm nghề dệt thủ công truyền thống với bề dày lịch sử lâu đời. Đặc điểm ngôn ngữ của tên làng – với chữ "La" (羅) hàm nghĩa một loại vải tơ mỏng, nhẹ – phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa địa danh và ngành nghề, đồng thời cho thấy ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa nghề vào bản sắc địa phương, được gọi chung là “Kê La”.

Các làng nghề này không chỉ phát triển nhờ kỹ thuật dệt tinh xảo, mà còn bảo lưu được các giá trị văn hóa phi vật thể như tín ngưỡng thờ tổ nghề, các lễ hội tế tổ và những gì còn lưu truyền lại... Những thông tin này được ghi chép trong hệ thống tư liệu Hán Nôm gồm văn bia và thư tịch cổ, có giá trị quan trọng trong việc truy cứu nguồn gốc nghề nghiệp và đời sống tinh thần của cư dân làng nghề.

Trong khuôn khổ bài viết, trọng tâm phân tích được đặt vào các tư liệu cổ liên quan đến hai làng nghề tiêu biểu: La Cả và La Khê. Những tư liệu này phản ánh một cách rõ nét phong tục làng nghề, cơ chế truyền dạy nghề, cũng như hình thức thờ cúng tổ nghề như một thiết chế xã hội có chức năng cô kết cộng đồng.

2. NỘI DUNG

2.1. Làng dệt Kê La ghi chép trong thư tịch cổ

Dù định danh cách này hay cách kia, thì 2 làng La Nội và Ý La vẫn được xếp lên đầu và được thiên hạ nhắc đến nhiều nhất. Theo thần phả hiện còn lưu giữ tại đình La Cả thì, thời Hùng Duệ Vương, đây vốn là Đại La Trang. Vùng quê này, hơn ngàn năm trước đã đông đúc dân cư, ruộng vườn trù phú ven sông Nhuệ. Hai làng La tạo nên làng lớn La Cả, cũng

đã từ ngàn xưa. Và rồi, từ năm, bảy trăm năm trước, hai làng đã là hai xã riêng: La Nội xã và Ý La.

Trong bộ sách Quốc chí *Đồng Khánh địa dư chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, huyện Từ Liêm tỉnh Hà Nội có ghi: Tổng La Nội huyện Từ Liêm gồm có 6 xã: Xã La Nội, Ý La, Yên Lộ, Nghĩa Lộ, La Tinh, La Khê (tr 8). Mục *Sản vật*, ghi rằng: “Xã La Khê có nghề dệt the hoa, lương ta”. Nguyên văn: “Nam lương 南涼”, tức hàng dệt bằng sợi nhỏ mịn, bằng sợi tơ gọi là the hoặc nhiễu; bằng sợi bông gọi là lương. Hàng do người nước ta sản xuất thì thêm từ Nam để phân biệt với hàng của người Bắc (tức người Trung Quốc)” [1, tr9].

Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, mục *Phong tục* cũng ghi: “Lãnh hoa: ở các xã Yên Thái, Trích Sài; Sài Nam ở La Khê” [2].

Xưa kia, các làng La Nội, Ý La đã có hương ước, gồm những điều lệ đặt ra để giữ nghiêm phong tục của làng, từ nghi thức thờ cúng thành hoàng, sản xuất nông nghiệp, chuồng đạo học đến những vấn đề nhỏ trong sinh hoạt đời sống cũng được đề cao. Bản hương ước soạn năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752) đời Lê Hiển Tông do quan viên chức dịch hai xã soạn thảo khoán lệ, gồm 66 điều, đời sau lại chép thêm nhiều điều lệ mới, trong đó có những điều lệ qui định về nghề dệt và buôn bán hàng hoá từ nghề dệt [3].

Theo các điều lệ trong bản hương ước cổ thì hai làng La Nội và Ý La có bộ máy quản lí hành chính riêng, song lại có chung đình chùa, chung đức thành hoàng, chung hương ước. Đặc biệt, một người sinh sống ở làng này lại có thể sinh hoạt ngôi thứ ở làng kia.

Với địa thế cận kề kinh thành Thăng Long, việc giao thương buôn bán hàng tơ lụa là một điểm mạnh của người dân nơi đây. Tuy nhiên, là một làng cổ có nhiều tập tục tốt đẹp, thì ngay trong việc buôn bán cũng phải tuân theo những nét sinh hoạt văn hoá “buôn có bạn, bán có phường”. Điều này được bản hương ước cổ đặt ra rất chặt chẽ: “Các phường dệt vải khi vào Kinh để bán hàng, người vào trước bán trước, không được vội vã trục lợi mà tranh bán. Phải chờ cho người vào trước không bán, họ đi rồi người vào sau mới được bán. Nếu người nào không chịu tuân theo lệ trên cho phép người vào trước được tố cáo, có bản phường làm chứng. Hôm sau, trình các quan viên của 2 xã để xét thực và bắt phạt người tranh bán 2 quan tiền cổ cho 2 xã cùng uống rượu [4].

Khi bỏ tiền mua, vải dày chỉ cho phép bán với giá 1 mạch tiền cổ, nếu dệt mỏng thì giá là 6 văn tiền cổ; lụa dày cho phép bán với giá 30 văn tiền cổ, nếu dệt mỏng hơn thì giá là 5 văn tiền cổ. Nếu người nào ngấm bán với giá tùy tiện cho phép người trong bản phường tố cáo để làm bằng chứng, hôm sau sẽ trình lên các quan viên trẻ tra xét sự việc. Bắt phạt người bán giá tùy tiện trên 6 mạch tiền cổ để cho mọi người cùng uống rượu. Lại nữa, nếu người trong Kinh vì có bỏ ra ít tiền mà chửi mắng người làng, thì các phường trong 2 xã không được bán cho người đó nữa. Nếu người nào làm trái, cho phép người trong phường trình các quan viên và bắt phạt người đó rượu và lợn trị giá 3 quan tiền cổ để mọi người cùng uống rượu như lệ [5].

Qua những điều lệ này có thể nhận thấy tính tự quản và đoàn kết cao trong các phường nghề truyền thống nói chung và phường dệt nói riêng. Có quy định rõ ràng, minh bạch về thứ tự bán hàng, giá cả, ứng xử văn hóa.

Các hình thức kỷ luật cũng thể hiện tư tưởng trọng danh dự và quan hệ làng xã trong xã hội truyền thống. Các điều lệ này được các phường nghề tự ban hành, có sự công nhận của quan chức hai xã, có thể hiểu tương đương với “quy ước tập thể” mang tính ràng buộc. Những điều lệ này áp dụng cho các thành viên phường dệt, tức là các thợ thủ công trong cùng ngành nghề (thợ thủ công trong cùng ngành nghề), họ có quyền

Xét ở khía cạnh văn hóa – xã hội của các điều lệ làng La Nội, những điều lệ này thể hiện tính liên kết bền chặt trong cùng phường hội, trong đó mọi người có trách nhiệm bảo vệ lợi ích chung – “một người sai, cả phường lên tiếng”. Vì thế, những người thợ thủ công không chỉ là người làm nghề mà còn là thành viên trong cộng đồng đạo đức và kỷ luật.

Việc thưởng phạt thể hiện tư duy “phạt để gắn kết” thông qua hình thức không mang tính trừng trị mà kết nối mọi người qua tiệc rượu, điều đó cũng thể hiện tinh thần “xã hội hóa việc xử phạt” – hình phạt cũng là dịp sinh hoạt cộng đồng, mang tính răn đe, không làm tổn hại nghiêm trọng đến người vi phạm, vừa là hình phạt, vừa là hòa giải; theo ý nghĩa pháp luật, việc phạt tiền cũng đánh vào túi tiền để người vi phạm biết sợ và giữ nghiêm nề nếp của phường dệt.

Ngoài ra, những điều lệ còn thể hiện sự tôn trọng thứ bậc và công bằng nhất định trong việc buôn bán của những người làng nghề. Trong điều lệ có điều quy định “ai đến trước bán trước”, điều đó phản ánh tính tôn ti trật tự, rất đặc trưng của văn hóa nông nghiệp và làng xã, điều này ngăn chặn tranh giành, phá giá, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các cá nhân. Lệ còn qui định “người mua mà hỡn lảo thì bị tẩy chay” điều này không chỉ bảo vệ người bán mà còn nâng tầm giá trị đạo đức nghề nghiệp, gìn giữ đạo đức giao thương

Chính vì nghề dệt ở làng La Khê giữ được phép tắc làng nghề, nên nổi tiếng trong nước, khiến các đời vua nhà Nguyễn thường bắt dân nộp the lụa các màu cho triều đình và phải nộp thuế. Sách *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn ghi: Tự Đức năm thứ nhất (1848), tháng 12: “Giảm ngạch thuế cho xưởng dệt ở xã La Khê, tỉnh Hà Nội (nguyên ngạch các hạng sa 450 tấm, nhiễu 150 tấm, lượng giảm cho mỗi hạng đều 50 tấm)” [6].

Ngoài ra, nguồn tư liệu bi ký cũng ghi được các làng nghề và tục thờ tổ nghề của các làng thuộc Kẻ La.

2.2. Nghề dệt Kẻ La qua tư liệu văn bia trên địa quận Hà Đông

2.2.1. Giới thiệu tư liệu văn bia ghi về nghề dệt

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, trong 17 đơn vị phường, xã trên địa bàn quận Hà Đông ngày nay, có 2 phường ghi nhận sự tồn tại của loại văn bia ghi về nghề dệt và tục thờ tổ nghề, đó là phường La Khê và phường Dương Nội thuộc quận Hà Đông. Số lượng cụ thể như sau:

TT	Tên bia	Địa điểm	Kí hiệu	Niên đại
1	Sùng sư báo bản bi kí崇師報本碑記	Đình La Khê, phường La Khê	24112 hoặc 908	Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709)
2	La Khê Tiên sư bi kí羅溪先師碑記	Đình La Khê, phường La Khê	24109/24110	Bảo Đại thứ 8 (1933)
3	La Khê tam xã bi kí羅溪三社碑記	Đình La Khê, phường La Khê	24111	Bảo Đại thứ 9 (1934)
4	Sùng sư báo bản bi kí崇師報本碑記	Miếu La Cả, phường Dương Nội	ST. Dương Nội 1	Chính Hòa 25 (1704)
5	Sùng sư báo bản bi kí崇師報本碑記	Miếu Thánh Sư, phường Dương Nội	ST. Dương Nội 2	Cảnh Hưng thứ 37 (1776) và Khải Định

(Nguồn: Số liệu này do Tiến sĩ Nguyễn Kim Mãng, Viện Nghiên cứu Hán Nôm cung cấp. Nhân đây, chúng tôi xin được bày tỏ lòng cảm ơn!)

- Về hình thức: Bia *La Khê tam xã bi kí* 羅溪三社碑記 (N⁰24111), niên hiệu Bảo Đại thứ 8 (1933) gồm 2 mặt, khổ 94cm x 62cm. Mặt 1 khắc 3 chữ “Tiên sư vị”, khổ chữ lớn ở giữa bia, trán trang trí hoa văn, diềm và đế bia không trang trí. Mặt 2, gồm 9 dòng, mỗi dòng từ 10-18 chữ. Trán bia khắc hình lưỡng long châu nhật, hai bên diềm bia khắc họa tiết nền gấm và hoa văn trám. Chữ khắc tương đối rõ, ở giữa bị một vết nứt khá lớn, nên mất một số chữ không đọc được. Điều đặc biệt, nội dung của văn bia này được khắc trọn vẹn một bản Sắc phong mang niên hiệu Bảo Đại thứ 8 (1933), có khắc hình triện “sắc mệnh chi bảo” của vua Khải Định. Bia *La Khê Tiên sư bi kí* 羅溪先師碑記 (N⁰24109/24110), niên hiệu Bảo Đại thứ 8 (1934) gồm 1 mặt, khổ 80cm x 50cm, trán bia lưỡng long châu nhật, hai bên diềm bia không trang trí. Bia có khoảng 16 dòng, mỗi dòng ít nhất 10 chữ, nhiều nhất 39 chữ, khắc tương đối rõ, một vài chỗ nứt vỡ, chân bia bị xây lấp mấy vài hàng chữ. Bia *Sùng sư báo bản bi kí* 崇師報本碑記 (N⁰24112) bia gồm 2 mặt, một mặt bị dựng áp tường nên chỉ suu tầm được một mặt. Mặt còn lại có kích thước 94cm x 64cm, một vài chỗ sứt vỡ, không đọc rõ chữ. Tổng cộng có 20 dòng, dòng ít chữ nhất 3 chữ, nhiều nhất là 47 chữ, khắc chân phương, dễ đọc. Trán bia khắc hình lưỡng phượng triều dương (hai con chim phượng châu mặt trời), hai bên diềm bia khắc hoa lá dây leo. Bia *Sùng sư báo bản bi kí* 崇師報本碑記 (ST. Dương Nội 1), bia gồm 2 mặt, kích thước 80cmx60cm. Trán bia khắc chủ đề lưỡng long châu nhật (hai con rồng châu mặt trời), xung quanh diềm bia không trang trí hoa văn. Bia khắc 15 dòng, tổng số khoảng 600 chữ. Bia lâu ngày nên chữ bị mờ mòn, mất nhiều chữ, khó đọc. Bia *Sùng sư báo bản bi kí* 崇師報本碑記 (ST. Dương Nội 2), bia gồm 2 mặt, kích thước 63cmx51cm, trán bia khắc chủ đề lưỡng long châu nhật, xung quanh diềm bia không trang trí hoa văn. Bia khắc mỗi mặt 16 dòng, tổng số khoảng 942 chữ. Bia không được bảo quản tốt, một số chữ chữ mờ mòn, khó đọc.

Về niên đại: Trong số 5 văn bia nêu trên có 3 bia mang niên đại thời Lê Trung hưng và 2 văn bia mang niên hiệu nhà Nguyễn. Văn bia có niên đại sớm nhất được ghi nhận là *Sùng sư báo bản bi kí* 崇師報本碑記 (ST. Dương Nội 1) có niên đại Chính Hòa thứ 25 (1704). Bia có tiêu đề *Sùng sư báo bản bi kí* 崇師報本碑記 (N⁰24112) thứ 2 có niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709). Bia có tiêu đề *Sùng sư báo bản bi kí* 崇師報本碑記 (ST. Dương Nội 2) thứ 3 có niên hiệu Cảnh Hưng thứ 37 (1776). Bia muộn nhất là *La Khê Tiên sư bi kí* 羅溪先師碑記 (N⁰24111) *La Khê tam xã bi kí* 羅溪三社碑記 (N⁰24109/24110) được dựng vào niên đại Bảo Đại thứ 8 (1933) và Bảo Đại thứ 9 (1934). Trong số 5 văn bia, có 2 văn bia được khắc lại. Theo nội dung *Sùng sư báo bản bi kí* 崇師報本碑記 (ST. Dương Nội 2) cho biết, bia được dựng vào niên hiệu Cảnh Hưng thứ 37 (1776), sau đó đến niên hiệu Khải Định thứ 4 thì cho khắc lại: “Từ khoảng thời Chính Hòa [7] cùng nhau tập hợp các phường tạo dựng văn bia để thờ phụng. Đến khoảng thời Cảnh Hưng, quan Câu kê và quan [Huyện] [] cùng với 4 giáp Đông, Nam, Đoài, Bắc lại dựng một tấm bia trên nền cũ, mở rộng quy mô, xuân thu tế tự, có đầy đủ điều quy ước, khắc ở phần sau bia, ... trải qua lâu ngày mưa đập gió vùi, cần phải tu sửa,... Vào năm Khải Định thứ 3 (1918) cùng nhau phổ khuyến, kêu gọi sửa sang ngôi miếu. thấy che chắn gió mưa, khói hương ngào ngạt, để tỏ lòng tôn sùng cung kính. Nhân văn bia cũ dựng năm Cảnh Hưng mà cho khắc lại như dưới đây

/至景興年間勾稽官並【縣】【】官等【】【】為東南兌北四甲又【】造一碑【於】
舊址廠宏規模，春秋祭祀，具有約條，銘于碑【左】，可人仕【】同【】【】
【】【】【】【】【】【】一【】【】【】【】【風撞】雨撼，其修造正當所較【

】也【】【】於啟定三年【】【】會勸【修】【造】廟宇。【】見【帡幪】風雨，香火蒸蒿，崇表敬意云耳。其景興年碑記仍舊重鐫于左”。

Còn văn bia *La Khê Tiên sư bi kí* 羅溪先師碑記 (N⁰24109/24110), niên đại được ghi rõ “Bảo Đại bát niên thất nguyệt cát nhật phụng sao Thần sắc phụng sự/保大捌年柒月吉日奉抄神敕奉事”. Nội dung văn bia được khắc lại nguyên văn bản Sắc phong có niên đại Khải Định thứ 9 (1924) do vua Khải Định ban phong cho 4 xã La Khê Đông, La Khê Tây, La Khê Nam, La Khê Bắc thờ các vị Thành hoàng Tổ nghề của địa phương.

Như vậy, hiện chúng tôi khảo cứu, sưu tầm được 5 văn bia Hán Nôm có nội dung ghi về nghề dệt lụa của đất Hà Đông xưa. Đây là những văn bia có niên đại xác tín, do vậy cung cấp nguồn tư liệu quý để tìm hiểu về các vị tổ nghề và phong tục thờ cúng các vị tổ nghề của đất Kẻ La.

2.2.2. Các vị tổ nghề dệt ở La Khê và La Cả qua tư liệu văn bia

* Ghi về vị tổ nghề ở La Khê

Trên vùng đất Hà Đông xưa, người nông dân ngoài việc làm nông nghiệp còn làm các nghề phụ, trong đó có nghề dệt. Tại trang Vạn Bảo (nay là làng lụa Vạn Phúc), nhân dân địa phương thờ bà Ả Lã Nàng Đê làm tổ nghề dệt [8].

Theo tác giả Đỗ Thị Hảo trong cuốn *Nghề thủ công truyền thống Việt Nam và các vị Tổ nghề*, cho biết, riêng nghề dệt có 7 vị tổ nghề đó là: Bà chúa Dệt Thụ La, họ tên đầy đủ là Nguyễn Thị La, con ông bà Nguyễn Diệu người Ái Châu (Thanh Hóa), lấy ông Trần Thường. Bà là người giỏi dệt lụa, kho mất được lập đền thờ phong tặng là Thụ La Công chúa, dân phường Nhượng Công (nay là Thành Công - Hà Nội) phụng thờ bà chúa Dệt [9].

Tổ nghề dệt lĩnh có bà Phạm Thị Ngọc Đô, đời Hậu Lê vua đi đánh dẹp phương Nam toàn thắng trở về. Trong số người theo về có bà Đô, bà không những xinh đẹp mà còn có tài canh cửi, thêu thùa, được nhà vua cấp đất cây cung điện và ban cho 24 người cung nữ ở làng Trích Sài, đặt tên là Thiên Niên trang. Bà có công dạy dân thông thạo nghề dệt lĩnh. Sau khi mất bà được lập miếu thờ, đặt tên hiệu là Bà chúa Dệt.

Còn ở vùng đất Kẻ La, cụ thể là làng La Khê (thuộc Hà Đông), thông tin liên quan đến các vị tổ nghề dệt ở được phản ánh trong 3 văn bia, trong đó văn bia *Sùng sư báo bản bi kí* 崇師報本碑記 (N⁰24112), niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709) ghi về nguồn gốc của các vị Tổ nghề của làng La Khê, văn bia ghi như sau:

“Nay toàn phường dệt ở xã La Khê nghĩ đến các vị Tiên sinh vốn từ bên Trung Quốc, dời đến định cư ở xóm làng ta đây, đem nghề dệt lụa dạy cho cha ông chúng ta, tập đan sợi ngang sợi dọc, học việc làm khung làm thoi; học được nghề rồi lại truyền cho các đời con cháu; nghiệp mở rộng mà nghề thì giỏi giang”./ 茲羅溪社織作烏紗坊緬想北國諸先生喬居鄉邑之日以織紗本業教我先人習以經綸授之機軸業成相傳孫子各授其徒業益廣而藝益精。

Họ tên các vị tổ nghề cũng được khắc ghi đầy đủ như sau:

Trùm trưởng Trương Tướng Công tên tự là Phúc Đạo/ 仝長張相公字福道

Trang Tướng Công tên tự là Phúc Tường/ 莊相公字福祥

Lí Tướng Công tên tự là Phúc Xuyên/ 李相公字福川

Lí Tướng Công tên tự là Phúc Hiền/ 李相公字福賢

Trang Tướng Công tên tự là Thuần Trực/ 莊相公字純直

Lí Tướng Công tên tự là Phúc Nhân/ 李相公字福仁

Hà Tướng Công tên tự là Phúc Nghiêm/ 何相公字福嚴

Lí Tướng Công tên tự là Phúc Nghiễm/ 李相公字福儼

Trần Tướng Công tên tự là Phúc Tâm/ 陳相公字福心

Phó Tướng Công tên tự là Phúc Quang/ 副相公字福光.

Điều đáng quý là những vị tổ nghề lại được khắc ghi trong văn bia *La Khê Tiên sư bi ký* 羅溪先師碑記 (N⁰24109/24110), khắc vào năm Bảo Đại thứ 8 (1933), hiện đặt tại đình La Khê, tổ dân phố 2, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội.

Nội dung văn bia được khắc lại nguyên văn bản Sắc phong niên đại Khải Định thứ 9 (1924) phong cho 4 xã La Khê Đông, La Khê Tây, La Khê Nam, La Khê Bắc thờ các vị Thành hoàng Tổ nghề của địa phương. Vì được ghi trong sắc ban tặng nên các vị Tổ nghề đều được vinh danh là Tôn thần. Cụ thể là các vị: Trương Phúc Đạo Tôn thần, Trang Phúc Tường Tôn thần, Lý Phúc Xuyên Tôn thần, Lý Phúc Hiền Tôn thần, Trang Thuần Trực Tôn thần, Lý Phúc Nhân Tôn thần, Hà Phúc Nghiễm Tôn thần, Lý Phúc Nghiễm Tôn thần, Trần Phúc Tâm Tôn thần, Phó Phúc Quang Tôn thần. Nguyên văn như sau nội dung văn tự Hán Nôm bản sắc phong được khắc lại như sau:

敕河東省懷德府羅溪東西南北四社全奉事張福道尊神莊福祥尊神李福川尊神李福賢尊神莊純直尊神李福仁尊神何福嚴尊神李福儼尊神陳福心尊神副福光尊神稔著靈應肆今正值朕四旬大慶節經頒寶詔覃恩禮隆登秩均著封為翊保中興靈扶尊神準其奉事神其相佑保我黎民欽哉

啟定玖年柒月貳拾五日

Dịch nghĩa:

“Sắc ban cho bốn xã La Khê Đông, La Khê Tây, La Khê Nam, La Khê Bắc cùng phụng thờ các vị: Trương Phúc Đạo Tôn thần, Trang Phúc Tường Tôn thần, Lý Phúc Xuyên Tôn thần, Lý Phúc Hiền Tôn thần, Trang Thuần Trực Tôn thần, Lý Phúc Nhân Tôn thần, Hà Phúc Nghiễm Tôn thần, Lý Phúc Nghiễm Tôn thần, Trần Phúc Tâm Tôn thần, Phó Phúc Quang Tôn thần, rất là linh ứng. Nay nhân dịp đại lễ mừng thọ trăm tứ tuần, ban cho chiếu báu ơn sâu, theo lễ có nâng bậc, đều gia phong cho là *Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Tôn thần*, cho phép phụng thờ. Các thần hãy che chở, bảo vệ cho con dân của Trẫm.

Kính thay!

Ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định năm thứ 9 (1924).”

Như vậy, tổ nghề của làng La Khê được cho là 10 vị từ Trung Quốc sang, dạy dân nghề dệt, có sắc phong của triều đình quân chủ Việt Nam làm Tôn thần, được nhân dân phụng thờ tại đình.

Theo nội dung khắc ghi trên các văn bia ở La Khê, tên họ 10 vị tổ nghề như sau: “Trùm trưởng Trương Tướng Công tên tự là Phúc Đạo; Trang Tướng Công tên tự là Phúc Tường; Lí Tướng Công tên tự là Phúc Xuyên; Lí Tướng Công tên tự là Phúc Hiền; Trang Tướng Công tên tự là Thuần Trực; Lí Tướng Công tên tự là Phúc Nhân; Hà Tướng Công tên tự là Phúc Nghiễm; Lí Tướng Công tên tự là Phúc Nghiễm; Trần Tướng Công tên tự là Phúc Tâm; Phó Tướng Công tên tự là Phúc Quang”. Trùng với nội dung tên các vị ở văn bia niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709

**Vị tổ nghề làng La Cả (La Nội, Ý La)*

Từ lâu đời, La Nội và Ý La có hội đồng kỳ mục, hội đồng lý dịch riêng, song lại được gọi chung là làng La Cả, thờ chung một thành hoàng, chung đình, chùa, chung hương ước, và chung cả lễ hội hàng năm. Đặc biệt, La Nội và Ý La sinh sống đồng canh hỗn cư (đồng ruộng riêng, nhưng cư trú không phân định rạch ròi). Có những gia đình, dòng họ ở bên phần đất La Nội nhưng lại ăn ngói thờ bên Ý La, và ngược lại... Cho đến nay, chưa có tài liệu nào khẳng định nghề dệt the, lụa được truyền tới Kẻ La vào thời điểm nào, tuy nhiên căn cứ vào tư liệu văn bia còn lại, trong đó có văn bia *Sùng sư báo bản bi ký*

崇師報本碑記 niên đại Chính Hoà thứ 25 (1704), hiện đặt tại miếu La Cả, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, có thể hiểu được phần nào về vị tổ nghề. Văn bia hiện đã bị mờ nhiều chữ nên khó xác định rõ tên vị tiên sư của nghề dệt làng La Cả, nhưng nội dung còn lại có ghi từ phương Bắc (tức Trung Quốc). Văn bia (bị mất nhiều chữ), chúng tôi lược dịch như sau:

“Thường bảo lấy đạo nghề mà dạy cho người, đó là bậc thầy. Các xã La Nội, Ý La có nghề dệt, ... các bậc tiên sư từ Bắc quốc đến ở ấp này, dạy dân biết nghề. Nghề lại truyền cho con cháu, nên ngày càng tinh thông. [...] /嘗謂以道業教人者師也。雖[]曲藝[]不有之[] [] []業[.....]。茲羅內、綺羅貳社織紉[] [] []、...。[北國諸先生[]居鄉邑之日[] [] [] []本[]教[] []人[.....]孫子各授其徒、業益[]而藝益精。以是而[.....]興作利傳[.....]

Ngoài ra, văn bia *Sùng sư báo bản bi ký* 崇師報本碑記 niên đại Cảnh Hưng thứ 37 (1776), khắc lại vào năm Khải Định, kí hiệu 930/931, sưu tầm tại Miếu Thánh Sư, tổ dân phố Vinh Quang, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cũng ghi: “Kính nghĩ phường dệt vải của hai xã La Nội, Ý La có lẽ thành nghề nghiệp được gây dựng bắt đầu từ Tổ nghề nước Bắc [Trung Quốc] đến truyền dạy lại。睽二社織紉為【坊】【蓋】成業，肇端自○北國諸先生僑居本邑，導我先人傳之。。。 ”

Qua tư liệu văn bia kể trên, có thể nhận thấy, các làng La Khê và La Cả (La Nội, Ý La) được cho là đều thờ các vị tổ nghề từ phương Bắc sang, truyền dạy cho dân các thao tác nghề, và đó có thể cũng có thể là chính các vị tiên sư (tổ nghề) được thờ ở làng La Khê và La Cả ngày nay.

2.3. Về tục thờ tổ nghề dệt của một số làng La

Tục thờ tổ nghề là một nét văn hóa độc đáo, thể hiện lòng biết ơn và tôn kính của người dân làng nghề dệt đối với tổ nghề, người đã truyền dạy nghề dệt cho các thế hệ trong làng. Lễ thờ tổ nghề đã trở thành phong tục thiêng liêng của người dân, góp phần gắn kết cộng đồng và duy trì bản sắc văn hóa của làng nghề.

Tục thờ tổ nghề không chỉ là một nghi lễ tôn giáo, mà còn mang ý nghĩa giáo dục và văn hóa sâu sắc. Qua việc tôn kính tổ nghề, người dân làng nghề La Khê, La Cả có cơ hội để truyền đạt và giữ gìn những giá trị truyền thống cho thế hệ sau, khuyến khích các thế hệ trẻ tiếp tục theo đuổi nghề nghiệp mà ông cha đã dày công xây dựng. Tục thờ tổ nghề còn giúp gắn kết cộng đồng khi tất cả người dân trong làng đều tham gia, cùng chung một niềm tin và lòng tự hào về nghề dệt truyền thống của mình.

Về tục thờ tổ nghề dệt, văn bia *Sùng sư báo bản bi ký* 崇師報本碑記 niên đại Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709) tại đình La Khê, tổ dân phố 2, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội ghi: “Công việc luôn luôn thông thuận, nhà cửa khang trang, con người no đủ; tiền bạc ngày một nhiều, nên nghĩ đến làm việc lễ nghĩa. Các vị đã truyền nghề cho, công đức lớn lao thay; nghĩ đến công đức đó mà truy tiền, nhưng cũng chẳng thể huyền nào nhiều được. Vậy nên này lập nên điều lệ, hàng năm ngày giỗ các vị vào các ngày mùng 3 tháng 2, ngày tiết Thanh minh, ngày 23 tháng 8, toàn bộ phường dệt biện lễ gồm có trâu, rượu, lúa thóc dâng lên để tế, ấy là tỏ rõ tấm lòng biết ơn với các vị vậy/以是而通功易事，以是而潤屋，單躬財，用贏餘禮義，興作藝傳矣。功大矣。追念此德不可諱兮。於是胥相造約。係遞年二月初三，清明日，秋八月二十三，諱忌日，本坊共會，以牛以酒以黍以稷合同敬祭，用伸報本之心。 ”

Làng La Khê còn đặt ruộng thờ vị tổ sư, như phản ánh trên văn bia 羅溪三社碑記/*La Khê tam xã bi ký*, niên hiệu Bảo Đại năm thứ 9 (1934):

“Xã Đông cung hiến các thửa: Thửa số 8, rộng 7 thước 7 tấc; Thửa số 16, rộng 5 thước; Ba thửa số 146, rộng 1 sào 8 thước []; Thửa số 1191, rộng 8 thước 9 tấc; Thửa số 1196, rộng 6 thước 2 tấc; Thửa số 1200, rộng 7 thước 7 tấc.

Xã Nam cung hiến các thửa: Thửa số 130, rộng 1 sào 2 thước 2 tấc; Thửa số 158, rộng 1 sào 5 thước 4 tấc; Thửa số 228, rộng 13 thước.

Xã Bắc cung hiến các thửa: Thửa số 10, rộng 7 thước 2 tấc; Thửa số 64, rộng 14 thước 1 tấc; Thửa số 355, rộng 10 thước 7 tấc; Thửa số 212, rộng 6 thước 2 tấc; Thửa số 1192, rộng 3 thước 7 tấc; Thửa số 1194, rộng 5 thước 7 tấc.

Ba xã hiến ruộng tổng cộng rộng 1 mẫu 7 thước 1 tấc.”/ 東社置田：一所八號七尺七寸一所數十十六號五尺三所數一百四十六號一高八尺[]一所數一千一百九十一號八尺九寸一所數一千一百九十六號六尺二寸一所數一千二百號七尺七寸。南社置田：一所數一百三十號一高二尺二寸一所數一百五十八號一高五尺四寸一所數二百二十八號十三尺。北社置田：一所數十號七尺二寸一所數六十四號十四尺一寸一所數三百五十五號十尺七寸一所數二百十二號六尺二寸一所數一千一百九十二號三尺七寸一所數一千一百九十四號五尺七寸。三社置田共一畝七尺一寸。

Số ruộng này ở địa phương sẽ giao cho người cày cấy, thu hoa lợi để dùng trong việc lo việc hương khói tại đền miếu thờ các vị tổ sư vào các ngày rằm và mừng một hàng tháng để thể hiện đạo lý báo đáp ân nghĩa tổ nghề.

Cũng thờ các vị tổ nghề, làng La Nội, Ý La cũng có các điều lệ ghi trên văn bia *Sùng sư báo bản bi ký* 崇師報本碑記 niên đại Cảnh Hưng thứ 37 (1776), khắc lại vào năm Khải Định, kí hiệu 930/931, như sau:

“Hằng năm nếu có tổ chức hội đầu vật phụng sự Tiên sư, lấy ngày 12 tháng 3 làm lệ, trong 5 ngày, viên Câu đương lo liệu 1 ngày, bốn giáp lo liệu 4 ngày, hành lễ dùng 2 con gà béo, 2 mâm xôi, mỗi mâm 6 bát đồng quan, 2 vò rượu, 2 cối trầu mỗi cối 70 miếng, chia ra làm 2 lễ. Một lễ dâng cúng ban Bản Thổ; một lễ phụng sự ban Tổ nghề. Tiền Trù trông nom mỗi đêm lệ 1 mạch tiền cổ. Nếu người nào bất cẩn thì trừ ấy phải chịu.”/ 一條遞年或有交跌奉事○先師以三月十二日例，五日內勾當一日四甲四日行禮用肥鷄貳隻、欸貳盤每盤陸官同鉢、酒貳圩、芙蓿貳匣每匣柒拾口分為貳禮。壹禮薦供○本土位；壹禮奉事○先師位。守籌每夜例古錢壹陌。若不謹者即伊籌所受。

- Một lễ ngày rước Tổ nghề, dùng gà rượu trầu cau trị giá 2 mạch tiền cổ, viên Trùm trưởng phải chịu. Ngày đưa Tổ nghề về, dùng gà rượu trầu cau trị giá 2 mạch tiền cổ, viên Câu đương phải

chịu./一禮奉迎○先師日用鷄酒芙蓿價古錢貳陌，全長所受。奉送○先師日，用鷄酒芙蓿價古錢貳陌，勾當所受。

Qua nội dung ghi trên văn bia, có thể nhận thấy: Tục thờ tổ nghề dệt của vùng La Khê, La Nội, Ý La được phản ánh rõ nét qua ba nguồn văn bia quý giá. Dù được lập vào các thời điểm khác nhau, các văn bia đều cho thấy truyền thống "uống nước nhớ nguồn" bền vững trong đời sống văn hóa của người dân nơi đây.

Văn bia đình La Khê, niên hiệu Vĩnh Thịnh (1709), nhấn mạnh tinh thần tri ân tổ nghề dệt. Các điều lệ quy định ngày giỗ tổ vào mừng 3 tháng 2, tiết Thanh minh và ngày 23 tháng 8 âm lịch. Lễ vật gồm trâu, rượu, lúa thóc, thể hiện sự long trọng và biết ơn sâu sắc

đối với công lao truyền nghề của tổ tiên. Nghi lễ được tổ chức trang nghiêm, tránh huyên náo, thể hiện sự tôn kính trong phong cách thờ cúng.

Văn bia *La Khê tam xã bi kí* niên hiệu Bảo Đại (1934) cho thấy một hướng tiếp cận thiết thực hơn: các xã Đông, Nam, Bắc của xã La Khê cùng nhau cung hiến ruộng đất làm tài sản thờ tự lâu dài. Việc phân bổ ruộng thờ cụ thể cho từng xã thể hiện sự phối hợp rộng rãi giữa nhiều cộng đồng nhỏ, đồng thời cho thấy tục thờ tổ nghề đã phát triển theo hướng bền vững, đảm bảo nguồn tài chính cho việc tế lễ qua nhiều thế hệ.

Văn bia *Sùng sư báo bản bi kí* tại La Nội, Ý La, lập năm Cảnh Hưng thứ 37 (1776) và được khắc lại dưới triều Khải Định, mang tính chất sôi động hơn. Bên cạnh nghi thức tế lễ, dân làng còn tổ chức hội đấu vật nhằm phụng sự tiên sư. Các lễ vật gồm gà béo, xôi, rượu và trầu cau, đơn giản hơn nhưng giàu ý nghĩa gắn kết cộng đồng. Nghi lễ chia đều cho các giáp trong làng lo liệu, tạo sự luân phiên và trách nhiệm chung, đồng thời phản ánh tính chất lễ hội dân gian đặc sắc của vùng.

Dù hình thức tổ chức thờ phụng tổ nghề có sự ít nhiều khác nhau, đều thống nhất ở tinh thần tôn sư trọng đạo, tri ân người sáng lập nghề dệt – nghề sinh kế gắn bó mật thiết với đời sống làng xã. Sự chuyển biến từ tế lễ long trọng sang lễ hội sôi nổi, rồi đến việc thiết lập nguồn lực vật chất lâu dài đã phản ánh quá trình thích ứng linh hoạt của tục thờ tổ trong dòng chảy lịch sử.

Như vậy, chỉ qua một số ít tư liệu văn bia ghi về tổ nghề và tục thờ tổ nghề của người dân Kẻ La vùng Hà Đông (xưa và nay), đã cung cấp cho người đọc thông tin về những vị tổ nghề, họ được cho là những người chạy từ phương Bắc sang, ngụ cư ở đất này, vì biết nghề dệt nên đã truyền dạy cho dân vùng Kẻ La biết nghề và làm ra những sản phẩm lụa được triều đình thời quân chủ Việt Nam biết tiếng. Đề ghi nhớ công ơn, nhân dân nơi đây đã thờ các vị làm Tổ nghề với đạo lý báo đáp, tri ân. Tục thờ tổ nghề là một nét đẹp văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam, thể hiện sự kính trọng và tri ân của người dân đối với những người được xem là ông tổ sáng lập hoặc phát triển một nghề nghiệp cụ thể. Đây là hình thức tín ngưỡng phổ biến tại nhiều làng nghề và các cộng đồng có truyền thống làm nghề lâu đời trong đó có nghề dệt vùng đất Hà Đông.

3. KẾT LUẬN

Tục thờ Tổ nghề dệt lụa tại Kẻ La không chỉ là một biểu hiện đặc sắc của tín ngưỡng dân gian Việt Nam, mà còn là minh chứng sinh động cho tinh thần tri ân và gìn giữ truyền thống làng nghề của cộng đồng địa phương. Đặc biệt, việc khai thác các tư liệu cổ như bi ký và thư tịch Hán Nôm đóng vai trò then chốt trong việc phục dựng, lý giải và bảo tồn các giá trị văn hóa tinh thần gắn liền với phong tục thờ tổ nghề dệt lụa. Chính những nguồn tư liệu quý giá này đã giúp tái hiện rõ nét nguồn gốc, ý nghĩa và tầm ảnh hưởng của tục thờ Tổ nghề trong dòng chảy lịch sử – văn hóa dân tộc, đồng thời khẳng định vai trò thiết yếu của chúng trong công tác nghiên cứu và gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc sử quán triều Nguyễn (2003), *Đông Khánh địa dư chí*, bản dịch, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 9.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch, tập 3, Nxb Thuận Hoá, Huế, tr.270.
3. Tục lệ làng La Khê, huyện Từ Liêm. Bản tục lệ của làng viết bằng chữ Hán, ký hiệu HU.619, Viện Thông tin Khoa học xã hội.
4. Tư liệu văn hiến Thăng Long – Hà Nội (2010), *Tuyển tập Hương ước tục lệ*, Nxb Hà Nội, tr.839-840
5. Tư liệu văn hiến Thăng Long – Hà Nội, *Tuyển tập Hương ước tục lệ*, Nxb Hà Nội, 2010, tr.840.

6. Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Chính Hòa: *Nguyên văn bia viết nhằm đảo lại thành Hòa Chính*. Nay đính chính.
8. Xem *Vạn Phúc xưa và nay*, Nxb Hội nhà văn, 2001.
9. Đỗ Thị Hảo (2001), *Nghề thủ công truyền thống Việt Nam và các vị Tổ nghề*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr.58-59.

THE CUSTOM OF WORSHIPPING THE ANCESTORS OF THE SILK WEAVING VILLAGE IN KE LA (HA DONG) THROUGH ANCIENT DOCUMENTS

Abstract: *The worship of craft ancestors (Tổ nghề) in the Ke La area (Ha Dong) represents a distinctive element of Vietnamese folk belief, reflecting profound gratitude toward those who founded and transmitted the silk weaving craft to the local community. According to legends and historical sources, including Han-Nom inscriptions and other ancient texts, these revered figures are believed to have originated from the North, bringing with them the silk weaving techniques that contributed significantly to the development and reputation of Ha Dong silk during the feudal period. This paper, based on credible historical materials, aims to introduce the craft ancestors and the tradition of their worship in Ke La, thereby highlighting the role of this practice in preserving traditional craft heritage and nurturing the cultural and spiritual values of Vietnamese village communities.*

Keywords: *Kẻ La – Hà Đông, Silk weaving, Han-Nom inscriptions, Han Nom books, Craft ancestors, the worship of craft ancestors.*